TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2026.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hoa Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Mùi và bà Hà Thị Kim Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý A Dà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực- Lào Cai, tỉnh Lào Cai .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:* Bà Hà Ngọc Ánh- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực- Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sùng Thị B, sinh năm 1996.

Số định danh cá nhân: 015196003384.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Vàng A P, sinh năm 1994.

Số định danh cá nhân: 015094008394.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa chị Sùng Thị B trình bày: Chị và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái cũ, nay là xã L, tỉnh Lào Cai vào ngày 02/3/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn Đ, xã L. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P nghi ngờ chị B có quan hệ ngoại tình nên có hành vi đánh vợ, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã khuyên bảo hòa giải nhưng mâu thuẫn không cải thiện được, anh chị sống ly thân từ tháng 10/2025 đến nay, không ai quan tâm đến nhau nữa. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề

nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P. Về con chung: Chị B và anh P có 02 con chung là Vàng Thị B1, sinh ngày 20/7/2016 và Vàng Thị T, sinh ngày 16/6/2019. Hiện nay con chung Vàng Thị B1 đang do anh P nuôi dưỡng, cháu Vàng Thị T đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Vàng Thị T, để anh P trực tiếp nuôi con Vàng Thị B1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, tại phiên tòa anh Vàng A P trình bày: Anh và chị B kết hôn tự nguyện, tìm hiểu yêu thương về chung sống với nhau từ năm 2016, về việc đăng ký thì do anh P không được ký vào giấy đăng ký kết hôn màu hồng nên không chấp nhận là có đăng ký kết hôn, anh và chị B làm lễ cưới đầy đủ và chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay. Quá trình chung sống chị B nhiều lần quan hệ ngoại tình, anh đã tha thứ cho nhiều lần nhưng chị Bầu không thay đổi, ngày 30/12/2024 chị B lấy áo của anh đi làm bùa, bạn trai của chị B nhắn tin cho chị B khi anh biết được thì đã chửi chị B, trong lúc cãi cọ có giơ tay tát chị B nhưng không trúng chị B như biên bản hòa giải ngày 02/01/2025 của C (ghi tát 04 lần là không đúng) sau đó vợ chồng được hòa giải về ở với nhau, nhưng chị B khi uống rượu vào lại cho người đàn ông khác sờ mó vào người khiến anh P không thích, từ tháng 11/2025 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị bầu xin ly hôn anh xác định không thể chung sống cùng chị B được nhưng không nhất trí ly hôn vì chị B và anh chưa thỏa thuận được việc chị B phải trả lại tiền bố mẹ đẻ anh đã cho. Về con chung: Chị B và anh P có 02 con chung là Vàng Thị B1, sinh ngày 20/7/2016 và Vàng Thị T, sinh ngày 16/6/2019. Hiện nay con chung Vàng Thị B1 đang do anh P nuôi dưỡng, cháu Vàng Thị T đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, tại bản tự khai anh P đồng ý để mỗi người nuôi một con nhưng tại phiên tòa anh cho rằng chị Bầu không đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con Vàng Thị T là 2.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vàng Thị B1 đủ 07 tuổi, cháu B1 có nguyện vọng được ở với bố.

Tại biên bản xác minh với UBND xã L thể hiện: UBND xã đã tiến hành kiểm tra, rà soát thông tin liên quan đến việc đăng ký kết hôn của anh P, chị B thể hiện: Thông tin trên hệ thống phần mềm quản lý đăng ký kết hôn năm 2016 và Tại sổ đăng ký kết hôn năm 2016 lưu trữ tại UBND xã L tại số thứ tự 03 ngày 02/3/2016 UBND xã đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh Vàng A P, sinh ngày 30/6/1994 và chị Sùng Thị B, sinh ngày 23/4/1996, do đồng chí Lờ A S, công chức Tư pháp- Hộ tịch thực hiện, ngoài ra không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa anh P và chị B. Việc tiến hành đăng ký kết hôn được cán bộ thời điểm thực hiện đang ký thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi anh P và chị B thực hiện thủ tục kết hôn tại UBND xã L thì UBND xã cấp cho chị B và anh P bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật để các bên tự lưu trữ giấy tờ. Ngày 27/10/2025 chị Sùng Thị B đến UBND để yêu cầu cấp trích lục kết hôn với lý do đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, do vậy UBND đã thực

hiện việc trích lục thông tin kết hôn theo quy định để cấp cho chị Sùng Thị B, việc cấp trích lục kết hôn của chị Sùng Thị B và anh Vàng A P là đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với cán bộ Tư pháp xã L thể hiện: Chị Sùng Thị B, sinh năm 1996 và anh Vàng A P, sinh năm 1994 cùng địa chỉ tại thôn Đ, xã L, tỉnh Lào Cai là công dân có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa phương. Chị B và anh P tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã L, quá trình chung sống anh chị có hai con gái chung là Vàng Thị B1, sinh năm 2016 và Vàng Thị T, sinh năm 2019, thời gian gần đây anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là cụ thể như nào thì chính quyền không nắm bắt được cụ thể, nhưng vợ chồng có cãi cọ đánh nhau. Việc anh P đánh chị B cũng đã được chính quyền địa phương hòa giải, lập biên biên bản Hòa giải do công an xã L lưu trữ. Từ tháng 10/2025 chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân cho đến nay. Chị B thì đem theo con nhỏ và đang nuôi dưỡng con Vàng Thị T, sinh năm 2019, còn anh P thì đang sinh sống, nuôi dưỡng cùng cháu Vàng Thị B1, sinh năm 2016. Nay chị B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vàng A P, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với Công an xã L thể hiện: Chị B và anh P tự nguyện tìm hiểu, kết hôn năm 2016, sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã L, quá trình chung sống anh chị có hai con gái chung là Vàng Thị B1, sinh năm 2016 và Vàng Thị T, sinh năm 2019. Ngày 02/01/2025, có sự việc anh Vàng A P đánh chị Sùng Thị B, sau khi nhận được thông tin của chị B thì Công an xã đã gọi hai bên đến tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc, hòa giải, nhắc nhở anh P, anh P đã rút kinh nghiệm và cam kết không tiếp tục có hành vi đánh chị B. Cơ quan Công an gửi cho Tòa án 01 bản sao biên bản hòa giải ngày 02/01/2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực- Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị B: Xử cho chị B được ly hôn với anh P; Về con chung: Giao cho chị Sùng Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vàng Thị T, sinh ngày 16/6/2019, giao cho anh Vàng A P được trực triếp nuôi dưỡng con chung Vàng Thị B1, sinh ngày 20/7/2016. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định; Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Vàng A P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L, tỉnh Lào Cai. Do đó, vụ án do Toà án nhân dân khu vực 4- Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng A P trình bày anh và chị B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn vì anh không được ký vào giấy chứng nhận kết hôn màu hồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua kết quả xác minh với UBND xã L thể hiện: Thông tin lưu trữ trên hệ thống phần mềm đăng ký kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn năm 2016 của UBND xã đều thể hiện việc UBND xã đã tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho chị Sùng Thị B và anh Vàng A P ngày 02/3/2016, UBND xã đã cấp Trích lục kết hôn số 70/2025/TLKH-BS ngày 27/10/2025. Như vậy, anh P và chị B đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được thể hiện trong sổ đăng ký kết hôn của UBND xã. Việc anh P cho rằng không ký tên vào giấy đăng ký kết hôn mà không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến của mình. Mặt khác, thực tế từ năm 2016 cho đến nay, anh P và chị B vẫn chung sống ổn định, công khai, sinh con và làm thủ tục đăng ký khai sinh cho các con, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình, điều này phù hợp với thông tin xác minh và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị B được công nhận là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống chị B và anh P đều trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị B trình bày nguyên nhân là do anh P nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, dẫn đến có hành vi đánh vợ. Anh P cho rằng nguyên nhân là do chị B có quan hệ ngoại tình, anh đã tha thứ nhiều lần nhưng không thay đổi dẫn đến vợ chồng cãi vã anh có giơ tay tát chị nhưng không trúng, mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng mâu thuẫn không cải thiện được, từ tháng 11/2025 cho đến nay chị B và anh P đã sống ly thân. Tại phiên tòa: Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị ly hôn với anh P, anh P cũng xác định giữa anh và chị B không thể chung sống cùng nhau, anh không chấp nhận được người vợ như chị B nhưng anh P không đồng ý ly hôn với lý do anh và chị B chưa thỏa thuận được về việc chị B phải trả lại tiền mà bố mẹ anh đã cho chị B. Hội đồng xét thấy: Việc anh P không nhất trí ly hôn không phải là để đoàn tụ, hàn gắn gia đình, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị B phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị B và anh P có 02 con chung là Vàng Thị B1, sinh ngày 20/7/2016 và Vàng Thị T, sinh ngày 16/6/2019. Hiện nay chị B đang trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Vàng Thị T còn anh Vàng A P đang trực tiếp nuôi con Vàng Thị B1; con chung Vàng Thị B1 đủ 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố. Chị B có nguyện vọng được nuôi cháu Vàng Thị T, để anh P nuôi cháu Vàng Thị B1, không ai phải cấp dưỡng. Tại bản tự khai anh P trình bày nếu vợ chồng ly hôn anh P trực tiếp nuôi con Vàng Thị B1, chị B trực tiếp nuôi con Vàng Thị T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh P cho rằng chị Bầu không đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chỉ yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Vàng Thị T với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng.

Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị B trình bày có nghề nghiệp là giáo viên và giao nộp bảng lương tháng 9, 10/2025 có xác nhận của Trường mầm non X, xã L, tỉnh Lào Cai thể hiện chị B có mức lương 13.415.600 đồng/ tháng, anh P trình bày làm công việc sửa chữa điện nước có thu nhập. Xét thấy, anh P và chị B đều có điều kiện kinh tế và khả năng chăm sóc con chung như nhau, từ thời gian anh chị phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân đến nay thì con chung Vàng Thị B1 đang do anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Vàng Thị T đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con, hạn chế sự xáo trộn về tâm lý, môi trường sống và nguyện vọng của con chung. Căn cứ các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX giao cho chị Sùng Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vàng Thị T, giao cho anh Vàng A P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vàng Thị B1. Do anh P và chị B mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, các bên đều có thu nhập và đủ điều kiện nuôi con nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các bên đối với con chung

[5] Về tài sản chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Sùng Thị B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sùng Thị B được ly hôn anh Vàng A P.

2. Về con chung: Giao cho chị Sùng Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng chung Vàng Thị T, sinh ngày 16/6/2019. Giao cho anh Vàng A P được trực tiếp nuôi

dưỡng con chung Vàng Thị B1, sinh ngày 20/7/2016 Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Sùng Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp theo biên lai số: 0001975 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Sùng Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Sùng Thị B và anh Vàng A P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 4- Lào Cai;
- CCTHADS khu vực 4- Lào Cai;
- UBND xã Lao Chải;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hoa Quỳnh